

Sổ Điểm

Học phần **Pháp luật (VIE1026)**

Lớp **PHAPLUAT_06_1**

Thời gian **2021-03-17 - 2021-03-31**

Học kỳ **Spring 2021 - Block 2**

#	Mã sinh viên	Họ và tên	Assignment (0%)	Điểm thường đúng tiến độ (0%)	Điểm thường tích cực (0%)	Final exam (100%)	Quiz online 1 (0%)	Quiz online 2 (0%)	Quiz online 3 (0%)	Quiz online 4 (0%)	Quiz online 5 (0%)	Quiz online 6 (0%)	Quiz online 7 (0%)	Quiz online 8 (0%)	Điểm tổng kết	Trạng thái
1	PS09781	Mao Văn Được	0.0	0.0	0.0	0.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	0.0	Trượt
2	PS11953	Nguyễn Diệp Hoàng Nam	10.0	0.0	0.0	6.7	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	6.7	Đạt
3	PS11954	Phùng Thị Huỳnh Phương	10.0	0.0	0.0	6.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	6.0	Đạt
4	PS11959	Đặng Thị Minh Diệu	10.0	0.0	0.0	7.7	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.7	Đạt
5	PS11963	Bùi Thị Thu Thảo	8.3	0.0	0.0	6.3	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	6.3	Đạt
6	PS11966	Lê Quốc Đạt	10.0	0.0	0.0	7.7	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.7	Đạt
7	PS11971	Phạm Quốc Đạt	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Trượt
8	PS11972	Nguyễn Hữu Luận	10.0	0.0	0.0	7.2	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.2	Đạt
9	PS11975	Tô Thành Chí	10.0	0.0	0.0	7.8	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.8	Đạt
10	PS11979	Trần Thiện Tú	8.3	0.0	0.0	6.7	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	6.7	Đạt
11	PS11987	Trần Quang Huy	8.3	0.0	0.0	6.2	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	6.2	Đạt
12	PS11988	Phan Anh Tuấn	10.0	0.0	0.0	7.5	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.5	Đạt
13	PS11989	Phạm Văn Thành	10.0	0.0	0.0	7.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.0	Đạt
14	PS11992	Nguyễn Thích	6.7	0.0	0.0	7.5	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.5	Đạt
15	PS11997	Nguyễn Ngọc Huyền Tuyết	8.3	0.0	0.0	7.7	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.7	Đạt
16	PS11998	Lê Thanh Bình	8.3	0.0	0.0	6.5	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	6.5	Đạt
17	PS12000	Trần Đoàn Thành Nhơn	10.0	0.0	0.0	7.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.0	Đạt
18	PS12001	Bùi Quang Linh	10.0	0.0	0.0	6.7	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	6.7	Đạt
19	PS12002	Nguyễn Phúc Thanh Vân	10.0	0.0	0.0	0.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	0.0	Trượt
20	PS12006	Nguyễn Thị Kiều Giang	10.0	0.0	0.0	7.8	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.8	Đạt
21	PS12007	Trần Ngọc Khoa	10.0	0.0	0.0	6.5	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	6.5	Đạt
22	PS12012	Lý Thành Đạt	5.0	0.0	0.0	7.5	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.5	Đạt
23	PS12014	Hà Hoàng Hào	10.0	0.0	0.0	7.7	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.7	Đạt
24	PS12021	Trương Minh Nhựt	10.0	0.0	0.0	7.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.0	Đạt
25	PS12023	Lê Bảo Nam	8.3	0.0	0.0	0.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	0.0	Trượt
26	PS12024	Phùng Tiến Lộc	10.0	0.0	0.0	7.8	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.8	Đạt
27	PS12028	Nguyễn Thành Đạt	10.0	0.0	0.0	7.3	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.3	Đạt
28	PS12030	Huỳnh Quốc Cường	8.3	0.0	0.0	7.5	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.5	Đạt
29	PS12031	Nguyễn Hoàng Thái	8.3	0.0	0.0	7.7	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.7	Đạt
30	PS12033	Phạm Thị Thụy Ân	5.0	0.0	0.0	7.3	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.3	Đạt
31	PS12036	Yan Hồng Tín	10.0	0.0	0.0	7.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.0	Đạt
32	PS12041	Phan Thành Quý	8.3	0.0	0.0	6.5	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	6.5	Đạt
33	PS12048	Huỳnh Nguyễn Trí Dũng	5.0	0.0	0.0	7.2	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.2	Đạt
34	PS12049	Nguyễn Hoàng Tú	8.3	0.0	0.0	6.8	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	6.8	Đạt
35	PS12055	Nguyễn Việt Thắng	8.3	0.0	0.0	7.3	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.3	Đạt
36	PS12060	Nguyễn Trung Hậu	10.0	0.0	0.0	7.8	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.8	Đạt

37	PS12061	Lâm Thanh Phát	10.0	0.0	0.0	5.7	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	5.7	Đạt
38	PS12064	Hà Thanh Phú	10.0	0.0	0.0	6.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	6.0	Đạt
39	PS12071	Phạm Quang Nam	10.0	0.0	0.0	6.7	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	6.7	Đạt
40	PS12074	Phan Thanh Tùng	10.0	0.0	0.0	7.5	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.5	Đạt
41	PS12075	Lý Hoàng Phúc	10.0	0.0	0.0	6.8	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	6.8	Đạt
42	PS12086	Nguyễn Xuân An	10.0	0.0	0.0	7.5	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.5	Đạt
43	PS12089	Trần Thị Mỹ Chi	10.0	0.0	0.0	7.5	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.5	Đạt
44	PS12091	Phan Thanh Phương	10.0	0.0	0.0	7.3	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.3	Đạt
45	PS12096	Nguyễn Song Ái Nhân	10.0	0.0	0.0	7.2	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.2	Đạt
46	PS12104	Phù Lê Thiên Ngân	8.3	0.0	0.0	7.8	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.8	Đạt
47	PS12105	Võ Quốc Cường	0.0	0.0	0.0	0.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	0.0	Trượt
48	PS12106	Nguyễn Duy Thành	10.0	0.0	0.0	6.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	6.0	Đạt
49	PS12109	Nguyễn Huỳnh Trung Hiếu	0.0	0.0	0.0	0.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	0.0	Trượt
50	PS12110	Nguyễn Lâm Khánh Linh	10.0	0.0	0.0	7.5	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.5	Đạt
51	PS12113	Trần Nguyễn Anh Tiến	10.0	0.0	0.0	5.5	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	5.5	Đạt
52	PS12114	Phạm Tiến Dũng	10.0	0.0	0.0	6.8	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	6.8	Đạt
53	PS12115	Nguyễn Đăng Khoa	8.3	0.0	0.0	7.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.0	Đạt
54	PS12116	Nông Quốc Huy	10.0	0.0	0.0	7.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.0	Đạt
55	PS12117	Lê Trung Hiếu	10.0	0.0	0.0	6.7	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	6.7	Đạt
56	PS12118	Từ Hưng Long	10.0	0.0	0.0	7.8	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.8	Đạt
57	PS12119	Hồ Trọng Thúc	10.0	0.0	0.0	0.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	0.0	Trượt
58	PS12124	Tô Đức Huy	10.0	0.0	0.0	7.8	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.8	Đạt
59	PS12142	Nguyễn Huy Hoàng	8.3	0.0	0.0	6.7	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	6.7	Đạt
60	PS12145	Trần Nguyễn Trọng Huân	10.0	0.0	0.0	7.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.0	Đạt
61	PS12152	Lê Ngọc Thuận	8.3	0.0	0.0	7.5	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.5	Đạt
62	PS12155	Phan Gia Chánh	10.0	0.0	0.0	7.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.0	Đạt
63	PS12163	Bảo Thế Vinh	10.0	0.0	0.0	7.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.0	Đạt
64	PS12164	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	10.0	0.0	0.0	6.7	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	6.7	Đạt
65	PS12186	Nguyễn Quang Ngọc	10.0	0.0	0.0	7.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.0	Đạt
66	PS12188	Trần Quang Kỳ	10.0	0.0	0.0	7.2	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.2	Đạt
67	PS12190	Nguyễn Thành Tâm	8.3	0.0	0.0	7.3	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.3	Đạt
68	PS12191	Vô Văn Quý	10.0	0.0	0.0	7.7	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.7	Đạt
69	PS12197	Trần Thị Cẩm Giang	10.0	0.0	0.0	6.7	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	6.7	Đạt
70	PS12200	Dương Trung Trực	10.0	0.0	0.0	6.3	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	6.3	Đạt
71	PS12201	Nguyễn Hoàng Tuấn	10.0	0.0	0.0	7.8	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.8	Đạt
72	PS12208	Hồ Thị Thái Bình	10.0	0.0	0.0	5.2	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	5.2	Đạt
73	PS12209	Đặng Thị Hoàng Lan	8.3	0.0	0.0	6.2	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	6.2	Đạt
74	PS12210	Lê Thị Nguyệt Thy	10.0	0.0	0.0	7.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.0	Đạt
75	PS12211	Lương Trần Thảo Vy	10.0	0.0	0.0	7.8	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.8	Đạt
76	PS12212	Trần Hồng Ngọc Hân	10.0	0.0	0.0	8.5	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.5	Đạt
77	PS12217	Lê Minh Tấn	10.0	0.0	0.0	7.3	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.3	Đạt
78	PS12223	Bùi Trọng Phúc	10.0	0.0	0.0	7.7	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.7	Đạt
79	PS12232	Nguyễn Thị Thùy Dung	10.0	0.0	0.0	5.8	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	5.8	Đạt
80	PS12236	Huỳnh Duy Thuận	10.0	0.0	0.0	6.8	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	6.8	Đạt
81	PS12237	Nguyễn Nhật Hòa	10.0	0.0	0.0	7.5	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.5	Đạt
82	PS12243	Nguyễn Thị Minh Thư	10.0	0.0	0.0	7.2	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.2	Đạt

83	PS12250	Lê Sỹ Hùng	10.0	0.0	0.0	6.5	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	6.5	Đạt
84	PS12262	Phạm Thúy Vi	8.3	0.0	0.0	6.7	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	6.7	Đạt
85	PS12269	Phạm Huyền Linh	5.0	0.0	0.0	7.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.0	Đạt
86	PS12270	Trần Quốc Huy	5.0	0.0	0.0	7.2	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.2	Đạt
87	PS12272	Dương Văn Vĩ	5.0	0.0	0.0	6.3	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	6.3	Đạt
88	PS12273	Trương Minh Hưng	10.0	0.0	0.0	7.7	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.7	Đạt
89	PS12275	Trưng Vĩnh Hoàng Lịch	10.0	0.0	0.0	7.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.0	Đạt
90	PS12279	Nguyễn Hùng Lương Đồng	10.0	0.0	0.0	7.3	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.3	Đạt
91	PS12282	Hồ Nguyễn Hồng Nhung	10.0	0.0	0.0	7.2	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.2	Đạt
92	PS12803	Nguyễn Quang Huy	8.3	0.0	0.0	6.8	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	6.8	Đạt
93	PS12838	Trương Công Định	5.0	0.0	0.0	6.2	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	6.2	Đạt

Chủ nhiệm bộ môn

Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 05 năm 2021
Giảng viên phụ trách